

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2992 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư - thương mại - dịch vụ tại phường Bửu Hòa và phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3051/TTr-SXD ngày 22/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư - thương mại - dịch vụ tại phường Bửu Hòa và phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

a) Vị trí: Khu vực lập quy hoạch được xác định theo bản đồ địa chính khu đất số 19/TLBĐ3 tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng số 6 thực hiện ngày 20/4/2019, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ngày 23/4/2019, với ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp đất khu ở theo dự án, khu dân cư hiện hữu và đất cây xanh theo quy hoạch.

- Phía Nam : Giáp đất cây xanh cách ly và đất khu ở theo dự án.

- Phía Đông : Giáp đường Bùi Hữu Nghĩa.

- Phía Tây : Giáp khu quy hoạch phát triển du lịch.



b) Quy mô lập quy hoạch

- Ngày 04/3/2019, UBND tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 2235/TB-UBND về việc chồng lấn ranh dự án Khu dân cư tại phường Bửu Hòa - Tân Vạn của Công ty TNHH Phúc Hiếu với dự án tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K; theo đó, giữ nguyên hướng tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K đã được phê duyệt (lộ giới 47m) và điều chỉnh ranh dự án Khu dân cư tại phường Bửu Hòa - Tân Vạn của Công ty TNHH Phúc Hiếu khớp với ranh dự án tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K.

- Tổng diện tích lập quy hoạch sau khi trừ phần chồng lấn là: 190.029,5 m² (khoảng 19 ha).

c) Quy mô dân số: Khoảng 3.840 người.

d) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất

a) Là khu dân cư đô thị được hình thành mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh theo tiêu chí đô thị loại I, trên cơ sở kết hợp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch đã và đang được triển khai xây dựng tại khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở và nhu cầu tái định cư tại khu vực.

b) Trong khu vực quy hoạch bố trí các loại hình: Nhà ở chung cư; nhà ở riêng lẻ (nhà liên kế, nhà liên kế có sân vườn), các công trình dịch vụ đô thị (giáo dục, thương mại, dịch vụ, y tế); các khu công viên cây xanh đáp ứng nhu cầu người dân và góp bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị tại khu vực.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đồ án

Thực hiện theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành; các quy phạm xây dựng có liên quan và Giấy phép quy hoạch số 10/GPQH ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án như sau:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất	: 49,5 m ² /người, bao gồm:
- Đất ở	: 21,5 m ² /người
- Đất công trình công cộng	: 5,0 m ² /người
- Đất cây xanh	: 6,5 m ² /người
- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	: 0,8 m ² /người
- Đất giao thông	: 15,6 m ² /người
b) Chỉ tiêu mật độ xây dựng	
- Nhà ở chung cư (nhà ở xã hội)	: 50 - 60%
- Nhà ở liên kế	: 80 - 90%
- Nhà ở liên kế có sân vườn	: 70 - 80%

- Công trình công cộng - y tế : $\leq 40\%$
- Công trình công cộng - giáo dục : $\leq 40\%$
- Công trình công cộng - thương mại dịch vụ : $\leq 62\%$
- Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : $\leq 62\%$
- Khu cây xanh - công viên : $\leq 05\%$.

c) Chỉ tiêu tầng cao xây dựng

- Nhà ở chung cư (nhà ở xã hội) : 05 - 09 tầng
- Nhà ở liên kế : 02 - 04 tầng
- Nhà ở liên kế có sân vườn : 02 - 04 tầng
- Công trình công cộng - y tế : 01 - 03 tầng
- Công trình công cộng - giáo dục : ≤ 03 tầng
- Công trình công cộng - thương mại dịch vụ : 03 - 05 tầng
- Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 01 - 02 tầng
- Khu cây xanh - công viên : ≤ 01 tầng

d) Chỉ giới xây dựng công trình

- Đối với công trình công cộng - thương mại, dịch vụ khoảng lùi:
- + Tiếp giáp đường nối từ cầu Bửu Hòa đến QL1K (lộ giới 47 m): ≥ 10 m.
- + Tiếp giáp các trục đường khác: ≥ 06 m.
- + Tiếp giáp với các ranh đất còn lại: ≥ 04 m.
- Đối với công trình công cộng - trạm y tế, giáo dục khoảng lùi: ≥ 06 m.
- Đối với công trình nhà ở chung cư (nhà ở xã hội) khoảng lùi: ≥ 10 m.
- Đối với công trình nhà ở riêng lẻ (nhà ở liên kế, nhà ở liên kế có sân vườn), khoảng lùi trước ≥ 03 m, khoảng lùi sau ≥ 01 m.
- Đối với công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khoảng lùi: ≥ 06 m.

e) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Chỉ tiêu cấp điện:
- + Cấp điện sinh hoạt (điện năng) : 1.100 - 2.100 KWh/người.năm.
- + Cấp điện sinh hoạt (phụ tải) : 450 - 700 W/người.
- + Cấp điện công trình công cộng : 40% phụ tải điện sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp nước : 150- 180 lít/người-ngđ.
- Chỉ tiêu thoát nước : 100% lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu rác thải : 1,3 kg/người-ngày.

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)
I	Đất ở	82.713	43,5	21,5
1	Đất ở liên kế (kinh doanh)	30.678		
2	Đất ở liên kế có sân vườn (kinh doanh)	26.562		
3	Đất ở chung cư (nhà ở xã hội)	14.514		
4	Đất ở tái định cư	10.959		
II	Đất công trình công cộng	19.130	10,1	5,0
1	Đất giáo dục	5.345		
2	Đất y tế	3.473		
3	Công trình dịch vụ thương mại	4.370		
4	Trung tâm tổ chức sự kiện - dịch vụ giải trí	5.942		
III	Đất cây xanh - thể dục thể thao	25.101	13,2	6,5
1	Đất công viên cây xanh - thể dục thể thao	13.991		
2	Đất cây xanh cách ly	8.096		
3	Đất mặt nước	3.014		
IV	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	3.134	1,7	0,8
1	Kho bãi	610		
2	Trạm xăng dầu	1.537		
3	Trạm xử lý nước thải	987		
V	Đất giao thông	59.951,5	31,5	15,6
	Tổng	190.029,5	100,0	

b) Phân khu chức năng

Dự án được phân chia các loại đất sử dụng theo các chức năng sau:

- Đất ở: Tổng diện tích 82.170 m², chiếm 43,5% tổng diện tích toàn khu, bao gồm các loại hình nhà ở như sau:

+ Đất nhà ở liên kế: Diện tích 30.678 m², chiếm 42,8% tổng diện tích đất ở kinh doanh. Mật độ xây dựng khoảng 80% - 90%, tầng cao xây dựng tối đa 04 tầng.

+ Đất nhà ở liên kế có sân vườn: Diện tích 26.562 m², chiếm 37,0% tổng diện tích đất ở kinh doanh. Mật độ xây dựng khoảng 70% - 80%, tầng cao xây dựng tối đa 04 tầng.

+ Đất nhà ở xã hội: Diện tích 14.514 m², chiếm 20,2% diện tích đất ở kinh doanh. Mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao xây dựng từ 05 - 09 tầng. Được bố trí tập trung ở phía Bắc dự án.

+ Nhà ở tái định cư (đất công hoàn trả): Diện tích 10.959 m², chiếm 13,2% tổng diện tích đất ở. Mật độ xây dựng khoảng 80% - 90%, tầng cao xây dựng tối đa 04 tầng.

- Đất công trình công cộng: Diện tích 19.130 m², chiếm 10,1% tổng diện tích toàn khu, bao gồm các khu chức năng sau:

+ Đất công trình y tế: Diện tích 3.473 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng. Bố trí ở phía Đông Bắc của dự án.

+ Đất công trình giáo dục: Diện tích 5.345 m², mật độ xây dựng ≤ 40%, tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng. Bố trí ở phía Bắc của dự án.

+ Đất công trình dịch vụ thương mại: Diện tích 4.370 m², mật độ xây dựng ≤ 62%, tầng cao xây dựng 03 - 05 tầng. Bố trí ở phía Đông dự án, tiếp giáp trực đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến Quốc lộ 1K (lộ giới 47 m).

+ Đất công trình trung tâm tổ chức sự kiện - dịch vụ giải trí: Diện tích 5.942 m², mật độ xây dựng ≤ 62%, tầng cao xây dựng 03 - 05 tầng. Bố trí cạnh công viên cây xanh - thể dục thể thao.

- Đất cây xanh - thể dục thể thao: Diện tích 25.101 m², chiếm 13,2% tổng diện tích toàn khu, bao gồm công viên cây xanh - thể dục thể thao và cây xanh cách ly đường điện. Bố phân tán trên toàn khu vực dự án, đảm bảo bán kính phục vụ. Mật độ xây dựng tối đa 05%, tầng cao tối đa 01 tầng.

- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Diện tích 3.134 m², chiếm tỷ lệ 1,7%, mật độ xây dựng ≤ 62%, tầng cao xây dựng 01 - 02 tầng, bao gồm:

+ Kho bãi: Diện tích 610 m². Bố trí về phía Đông Nam dự án.

+ Đất trạm xăng dầu: Diện tích 1.537 m². Bố trí về phía Tây Nam dự án;

+ Trạm xử lý nước thải: Diện tích 987 m². Bố trí về phía Tây Nam dự án, bên cạnh trạm cung cấp xăng dầu;

- Đất giao thông: Diện tích 59.951,5 m², chiếm 31,5% tổng diện tích toàn khu, được bố trí theo dạng ô bàn cờ.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Giao thông nội bộ trong khu quy hoạch được kết nối với bên ngoài thông qua tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến đường Quốc lộ 1K (lộ giới 47 m), mặt cắt 1-1, mặt đường rộng 17 m x 2 bên = 34 m; giải ngăn cách giữa rộng 3 m; vỉa hè rộng 5 m x 2 bên = 10 m. Giai đoạn đầu đường được xây dựng với lộ giới 37 m, bao gồm: Mặt đường rộng 12 m x 2 bên = 24 m; giải ngăn cách giữa rộng 3 m; vỉa hè rộng 5 m x 2 bên = 10 m.

- Giao thông đối nội: Dựa vào hình dáng ranh khu đất, tuyến đường giao

thông đối ngoại, tuyến đường điện cao thế 110 KV, các tuyến đường trong khu quy hoạch được thiết kế là đường phố với các cấp đường như sau:

+ Đường khu vực (bề rộng của đường 16 - 25 m):

Đường QH-D13, QH-D15 và QH-D16: Mặt cắt 2-2, lộ giới 20,5 m (5 m - 10,5 m - 5 m);

Đường QH-D6 và QH-D8: Mặt cắt 4-4, lộ giới 20 m (5 m - 10 m - 5 m);

Đường QH-D11: Mặt cắt 10-10, lộ giới 17,5 m (5 m - 7,5 m - 5 m).

+ Đường phân khu vực (bề rộng của đường 13 - 20 m):

Đường QH-D3, QH-D4, QH-D7 và QH-C3. Mặt cắt 3-3, lộ giới 15,5 m (4 m - 7,5 m - 4 m);

Đường QH-D5, QH-D9 và QH-D21. Mặt cắt 5-5, lộ giới 14 m (4 m - 6 m - 4 m).

+ Đường nhóm nhà ở (bề rộng của đường 07 - 15 m):

Đường QH-D1: Mặt cắt 6-6, lộ giới 12 m (2 m - 6 m - 4 m);

Đường QH-D11: Mặt cắt 8-8, lộ giới 11,5 m (1,5 m - 6 m - 4 m);

Đường QH-D12 và QH-D14 (đường song hành với tuyến đường nối từ đường Bùi Hữu Nghĩa đến đường Quốc lộ 1K): Mặt cắt 9-9, lộ giới 9,5 m (3,5 m - 6 m - 0 m);

+ Từng tuyến đường cụ thể xem bản vẽ quy hoạch giao thông.

b) Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa:

- San nền: San nền bám theo cao độ và hướng dốc của địa hình tự nhiên để tránh đào sâu, đắp cao. Hướng dốc chính từ Đông Bắc sang Tây Nam. Ranh phía Đông Bắc cao độ nền bám theo cao độ mặt đường Bùi Hữu Nghĩa. Ranh phía Tây và Nam cao độ nền bám theo cao độ nền các khu dân cư hiện hữu. Cao độ thiết kế lớn nhất 3,2m (giáp đường Bùi Hữu Nghĩa), thấp nhất 2,4m (giáp ranh Tây Nam). Độ dốc nền trung bình 0.2%.

- Thoát nước mưa:

+ Hiện trạng thoát nước: Giáp ranh phía Tây có hầm khai thác đá thuộc mỏ đá Tân Bản hiện đã ngừng khai thác, diện tích hồ khoảng 20.000m², chiều sâu trung bình 25m. Đây là nơi tập trung nước mưa cho toàn khu vực.

+ Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế với chế độ tự chảy, tận dụng tối đa độ dốc địa hình.

+ Phía Bắc đường Bùi Hữu Nghĩa đi Quốc lộ 1K (lộ giới 47 m): Nước mưa khu vực này được thu gom vào hệ thống cống rồi cho thoát vào hầm khai thác đá thuộc mỏ đá Tân Bản giáp ranh phía Tây khu quy hoạch. Hầm khai thác đá có diện tích khoảng 28ha, chiều sâu trung bình 25m, đây là nơi tập trung nước mưa cho toàn khu vực có tác dụng như một hồ điều hòa. Về mùa mưa khi lượng

nước tập trung về nhiều, nước trong hầm sẽ được tiêu thoát qua cống điều tiết ra rạch hiện hữu rồi thoát ra sông Đồng Nai.

+ Phía Nam đường Bùi Hữu Nghĩa đi Quốc lộ 1K: Nước mưa khu này cho thoát vào tuyến mương hiện hữu giáp ranh phía Nam của dự án. Sử dụng cống BTCT làm hệ thống thoát nước mưa cho toàn khu.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Nguồn nước lấy từ tuyến ống hiện hữu D300 trên đường Bùi Hữu Nghĩa. Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai để thỏa thuận đấu nối hệ thống cấp nước theo quy định.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế dạng kết hợp: Mạng vòng và mạng nhánh; để đảm bảo áp lực nước trong ống ổn định trong những giờ cao điểm thì bố trí chủ yếu là tuyến mạch vòng, những khu vực nhỏ và dùng nước ít mới bố trí mạch nhánh.

- Toàn khu vực quy hoạch, thiết kế bố trí 34 trụ cứu hỏa để chữa cháy. Các trụ được bố trí trên vỉa hè tại các giao lộ. Khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa khoảng 100-150m.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 1.000m³/ng.đêm.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống cống thoát nước thải được xây mới hoàn toàn bằng cống tròn BTCT, tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Tuyến cống đặt dọc theo vỉa hè, tận dụng triệt để độ dốc mặt đường tạo thành mạng thoát nước tự chảy. Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ sau khi được xử lý sơ bộ qua các hầm, bể tự hoại sẽ được đấu nối vào hố ga, hệ thống thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải chung của khu quy hoạch.

+ Tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu xây dựng hệ thống công bao, tách nước thải để thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

+ Tổng lưu lượng thoát nước thải: 700 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định cho thoát ra hầm đá Tân Bản.

- Xử lý chất thải rắn: Bố trí các thùng rác công cộng tại các khu trung tâm thương mại, khu công trình công cộng, nhà trẻ mẫu giáo, các hộ dân. Lượng rác thải tập trung sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

đ) Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng

- Hiện tại đã có lưới điện hiện hữu 3 Pha 4 dây lưới 22kV nằm dọc trên đường Bùi Hữu Nghĩa đi ngã ba Tân Vạn.

- Tổng công suất sử dụng: 5.205 Kw.

- Tuyến trung thế đi ngầm băng đường Bùi Hữu Nghĩa và các đường trong

dự án, cây xanh, tuyến cáp được bố trí theo mặt cắt, tuyến trung thế ngầm dài 1.400m, đến cấp điện các Trạm biến áp.

- Đường dây hạ thế: Hệ thống cáp điện hạ thế cho khu quy hoạch được thiết kế đi ngầm.

- Hệ thống chiếu sáng đèn đường: Sử dụng cáp ngầm và cáp đi nổi dài 5.000m treo trên trụ bê tông ly tâm, cần đèn chiếu sáng sử dụng ống sắt tráng kẽm cho toàn tuyến. Khoảng cách trung bình giữa hai trụ là 30m đến 40m.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan chức năng để thỏa thuận phương án bố trí, vị trí đầu nổi và các chỉ tiêu kỹ thuật.

e) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Hệ thống thông tin liên lạc khu quy hoạch có khả năng ghép nối với hệ thống mạng của các doanh nghiệp viễn trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng quyền lựa chọn của mọi tổ chức và người dân trong khu vực dự án.

- Chủ đầu tư sẽ bố trí diện tích đất (tối thiểu 100 m²) và đầu tư hệ thống công bê ngầm, tủ cáp phân phối để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (VNPT, Viettel, FPT...) triển khai lắp đặt tổng đài và mạng cáp viễn thông nhằm đáp ứng quyền lựa chọn của mọi người dân và doanh nghiệp trong dự án.

- Bố trí tối thiểu 02 vị trí đất trong khu vực dự án (30 - 50 m²/01 vị trí) để các doanh nghiệp viễn thông đầu tư xây dựng trạm thu phát sóng di động (bán kính vùng phủ sóng của mỗi trạm là 250 mét) nhằm phục vụ nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong khu vực dự án.

g) Đánh giá môi trường chiến lược

Tuân thủ theo Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2010 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

6. Quy định quản lý

Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư - thương mại - dịch vụ tại phường Bửu Hòa và phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Công ty TNHH Phúc Hiếu có trách nhiệm:

1. Phối hợp UBND thành phố Biên Hòa, UBND phường Bửu Hòa, UBND phường Tân Vạn công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cắm mốc giới theo quy định và phối hợp UBND thành phố Biên Hòa, UBND phường Bửu Hòa, UBND phường Tân Vạn triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy

hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành, tổ chức lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực và các vấn đề khác có liên quan.

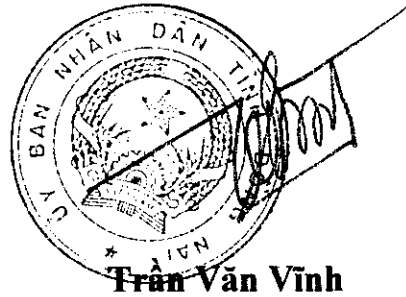
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND phường Bửu Hòa, Chủ tịch UBND phường Tân Vạn; Giám đốc Công ty TNHH Phúc Hiếu; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh